

PHÍ BẢO HIỂM TIÊU CHUẨN

I. QUYỀN LỢI CHÍNH

CHƯƠNG TRÌNH	IP 1	IP 2	IP 3	IP 4
STBH	\$ 30,000	\$ 50,000	\$ 100,000	\$ 250,000
Tuổi				
0-18	\$ 239	\$ 263	\$ 359	\$ 517
19-25	\$ 244	\$ 268	\$ 354	\$ 530
26-30	\$ 248	\$ 273	\$ 415	\$ 623
31-35	\$ 276	\$ 304	\$ 437	\$ 691
36-40	\$ 361	\$ 406	\$ 506	\$ 806
41-45	\$ 432	\$ 495	\$ 579	\$ 952
46-50	\$ 470	\$ 517	\$ 692	\$ 1,070
51-55	\$ 696	\$ 766	\$ 986	\$ 1,167
56-60	\$ 790	\$ 884	\$ 1,119	\$ 1,325
61-64	\$ 976	\$ 1,099	\$ 1,377	\$ 1,553
65-69	\$ 1,148	\$ 1,298	\$ 2,014	\$ 2,539
70 -72	\$ 1,492	\$ 1,641	\$ 2,434	\$ 3,067

2. Điều trị răng

Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm/người/năm
\$ 1,000	\$ 280

3. Thai sản

CHƯƠNG TRÌNH	M1	M2	M3	M4
STBH	\$ 1,500	\$ 3,000	\$ 4,000	\$ 6,000
Phí bảo hiểm	\$ 315	\$ 535	\$ 738	\$ 975

4. Tử vong, thương tật vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật

Phạm vi địa lý được bảo hiểm	Tỷ lệ phí bảo hiểm
Việt Nam	0.20%
Toàn thế giới	0.27%

5. Tai nạn cá nhân

Phạm vi địa lý được BH	Tỷ lệ phí bảo hiểm
Việt Nam	0.10%
Toàn thế giới	0.13%

6. Bồi thường mất giảm thu nhập trong thời gian nghỉ làm việc để điều trị thương tật nội trú do tai nạn

Phạm vi địa lý được BH	Tỷ lệ phí bảo hiểm
Việt Nam	0.40%

7. Bồi thường mất giảm thu nhập trong thời gian nghỉ làm việc để điều trị nội trú do ốm bệnh

Phạm vi địa lý được BH	Tỷ lệ phí bảo hiểm
Việt Nam	0.40%

8. Bảo hiểm cho bệnh có sẵn

Áp dụng cho Hợp đồng bảo hiểm nhóm từ 10 nhân viên trở lên. Phí bảo hiểm đóng thêm tùy thuộc vào kết quả giám định bệnh có sẵn.

9. Người được bảo hiểm cùng thanh toán

	C1	C2	C3
Tỷ lệ NĐBH tự thanh toán	20%	30%	40%
Tỷ lệ giảm phí so với phí tiêu chuẩn	10%	15%	20%

II. QUYỀN LỢI BỔ SUNG

1. Điều trị ngoại trú

CHƯƠNG TRÌNH	OP1	OP2	OP3	OP4
STBH	\$ 1,000	\$ 1,500	\$ 3,000	\$ 5,000
Tuổi				
0-18	\$ 233	\$ 278	\$ 375	\$ 453
19-25	\$ 216	\$ 261	\$ 352	\$ 411
26-30	\$ 216	\$ 261	\$ 354	\$ 416
31-35	\$ 216	\$ 261	\$ 356	\$ 424
36-40	\$ 226	\$ 271	\$ 370	\$ 442
41-45	\$ 237	\$ 282	\$ 386	\$ 456
46-50	\$ 249	\$ 294	\$ 403	\$ 470
51-55	\$ 270	\$ 315	\$ 443	\$ 526
56-60	\$ 314	\$ 359	\$ 500	\$ 593
61-64	\$ 356	\$ 401	\$ 564	\$ 664
65-69	\$ 525	\$ 570	\$ 744	\$ 1,012
70 -72	\$ 682	\$ 727	\$ 945	\$ 1,286



TỔNG CÔNG TY CP BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Trụ sở chính tại Hà Nội
Tầng 8, số 4A, Láng Hạ,
Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (84 4) 3772 4466 Fax: (84 4) 3772 4460

Công ty thành viên tại HCM
Công ty Bảo Hiểm Bưu điện Sài Gòn
Tầng 3, tòa nhà Gilimex, 24C Phan Đăng Lưu,
Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: (84 8) 3841 0576 Fax: (84 8) 3841 0577

HOTLINE  Hà Nội 0912 040 757
Hồ Chí Minh 0908 488 299

ELITE CARE

Đối tượng tham gia bảo hiểm

Là những công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài đang cư trú trong lãnh thổ Việt Nam và không rời Việt Nam quá 180 ngày liên tục; Từ 15 ngày tuổi đến 70 tuổi. Mở rộng đến 72 tuổi nếu tham gia liên tục từ năm 68 tuổi; Không bị tâm thần hoặc thương tật vĩnh viễn từ 80% trở lên; Không bị bệnh ung thư (tại thời điểm tham gia bảo hiểm).

HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM NHÓM

- Là Hợp đồng bảo hiểm cấp cho những người (ít nhất là 03 người) của cùng một Công ty/ tổ chức;
- Tham gia với kết cấu chương trình tương tự nhau do Công ty/ tổ chức đó đứng tên là Chủ hợp đồng;
- Người thân (do công ty chi trả phí) là vợ, chồng, con hợp pháp từ 15 ngày tuổi đến 18 tuổi hoặc 24 tuổi nếu đang theo học các khoá dài hạn, chưa kết hôn và tham gia quyền lợi không cao hơn quyền lợi của người được bảo hiểm chính (nhân viên).

HỢP ĐỒNG CÁ NHÂN

- Là hợp đồng dành cho cá nhân từ 18 tuổi trở lên;
- Trẻ em dưới 18 tuổi phải tham gia cùng bố và/hoặc mẹ và quyền lợi không cao hơn quyền lợi của Người được bảo hiểm chính.

HỢP ĐỒNG GIA ĐÌNH

- Do bố hoặc mẹ là chủ Hợp đồng hay Người được bảo hiểm chính;
- Có tối thiểu 3 người;
- Ít nhất có 2 thành viên trên 15 tuổi.

Sản phẩm Elite Care

Đây là sản phẩm bảo hiểm sức khỏe cao cấp phục vụ cho những người đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam có nhu cầu được chăm sóc sức khỏe một cách toàn diện theo tiêu chuẩn quốc tế.

Với quyền lợi bảo hiểm toàn diện, phạm vi bảo hiểm hoàn toàn tùy thuộc vào lựa chọn của bạn, dịch vụ chuyên nghiệp và mức phí bảo hiểm cạnh tranh trên thị trường Việt Nam, Elite Care sẽ là lựa chọn tối ưu dành cho bạn và những người thân của mình.

I. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CHÍNH - NỘI TRÚ VÀ VẬN CHUYỂN KHẨN CẤP

CHƯƠNG TRÌNH	IP1	IP2	IP3	IP4
SỐ TIỀN BẢO HIỂM	\$ 30,000	\$ 50,000	\$ 100,000	\$ 250,000
Phạm vi địa lý được bảo hiểm	Việt Nam	Việt Nam	Châu Á (loại trừ Nhật Bản & Hồng Kông)	Toàn thế giới (loại trừ Mỹ & Canada)
Tiền giường/ ngày	\$ 150	\$ 200	\$ 300	\$ 800
Phòng chăm sóc đặc biệt (tối đa 30 ngày/năm)	\$ 800 /ngày	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Các chi phí bệnh viện tổng hợp (các chi phí y tế cần thiết phát sinh trong thời gian điều trị nội trú)	\$ 800 /ngày	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Chi phí vật lý trị liệu (giới hạn tối đa 60 ngày cho toàn bộ thời gian bảo hiểm)	\$ 70	\$ 100	\$ 200	\$ 500
Chi phí khám trước khi nhập viện (trong vòng 30 ngày)	\$ 800	\$ 1,000	\$ 2,000	\$ 4,000
Chi phí điều trị & y tá chăm sóc tại nhà ngay sau khi xuất viện, trong vòng 90 ngày sau khi xuất viện	\$ 800	\$ 1,000	\$ 2,000	\$ 4,000
Chi phí phẫu thuật	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Phẫu thuật ngoại trú/ lần	\$ 1,000	\$ 1,500	\$ 3,000	\$ 6,000
Cấy ghép nội tạng/giới hạn cả đời	\$ 15,000	\$ 30,000	\$ 40,000	\$ 100,000
Điều trị cấp cứu do bệnh hoặc tai nạn	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Điều trị răng cấp cứu do tai nạn	\$ 10,000 (Chỉ áp dụng cho HD nhóm)	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Điều trị thai sản cấp cứu do tai nạn	\$ 10,000 (Chỉ áp dụng cho HD nhóm)	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Vận chuyển y tế cấp cứu & hồi hương				
- Chi phí vận chuyển cấp cứu và hồi hương	Không bảo hiểm	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
- Chi phí cho 01 người thân đi cùng NĐBH	Không bảo hiểm	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
- Chi phí hồi hương thi hài	Không bảo hiểm	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Rối loạn tâm thần cấp tính	Không bảo hiểm	Không bảo hiểm	\$3,000/năm \$10,000/ cả đời	\$3,000/năm \$10,000/ cả đời
Trợ cấp nằm viện/đêm (tối đa 20 đêm/năm)	\$ 5	\$ 5	\$ 10	\$ 15
Giới hạn phụ cho bệnh đặc biệt/cả đời	\$ 30,000	\$ 50,000	\$ 100,000	\$ 150,000
(Áp dụng cho đơn bảo hiểm cá nhân và gia đình, bao gồm các chi phí điều trị nội trú, ngoại trú và vận chuyển y tế cấp cứu và hồi hương)				

(*) Đối với IP2, PTI chỉ chi trả chi phí vận chuyển y tế cấp cứu tới Thái Lan hoặc Singapore và chi phí hồi hương về nước, không bao gồm chi phí điều trị y tế tại Thái Lan và Singapore

II. QUYỀN LỢI BỔ SUNG

1. Điều trị ngoại trú

CHƯƠNG TRÌNH	OP1	OP2	OP3	OP4
SỐ TIỀN BẢO HIỂM	\$ 1,000	\$ 1,500	\$ 3,000	\$ 5,000
Phạm vi địa lý được bảo hiểm	Việt Nam	Việt Nam	Châu Á (loại trừ Nhật Bản, Hồng Kông)	Toàn thế giới, ngoại trừ Mỹ, Canada
Giới hạn một (01) lần khám bao gồm: • Chi phí khám tổng quát và chuyên khoa • Tiến thuốc theo kê toa của bác sỹ • Các thủ tục chẩn đoán và điều trị theo chỉ định của bác sỹ • Dụng cụ y tế cần thiết cho việc điều trị gây chi, thương tật (như băng, nẹp) do bác sĩ chỉ định. • Điều trị đông y không bao gồm châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt.	\$ 100	\$ 120	\$ 200	\$ 250
Vật lý trị liệu,châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt	\$ 15/ngày	\$ 20/ngày	\$ 40/ngày	\$ 65/ngày
Khám sức khỏe định kỳ/Vắc-xin	Không được bảo hiểm	\$ 50	\$ 80	\$ 120

2. Chăm sóc răng

(Chỉ áp dụng khi đã tham gia phần Điều trị Ngoại trú)

SỐ TIỀN BẢO HIỂM	\$ 1,000
Phạm vi địa lý được bảo hiểm	Việt Nam
Điều trị răng (không bao gồm làm răng giả) • Khám và chẩn đoán • Lấy cao răng • Trám răng (bằng amalgam, composite hoặc các chất liệu khác có giá tương đương) • Nhổ răng sâu • Nhổ những răng bị ảnh hưởng bởi răng bệnh, răng bị phủ nướu hoặc không thể mọc được • Nhổ chân răng bệnh lý • Lấy u vôi răng (lấy vôi răng sâu dưới nướu) • Phẫu thuật cắt chóp răng • Chữa tuỷ răng • Viêm nướu, viêm nha chu	Cùng chi trả 20%
Răng giả: Làm mới hoặc sửa cầu răng, bọc răng sứ, làm răng giả	Cùng chi trả 50%

3. Thai sản

CHƯƠNG TRÌNH	M1	M2	M3	M4
SỐ TIỀN BẢO HIỂM	\$ 1,500	\$ 3,000	\$ 4,000	\$ 6,000
Phạm vi địa lý được bảo hiểm	Việt Nam	Châu Á (loại trừ Nhật Bản, HK)	Toàn thế giới, ngoại trừ Mỹ và Canada	Toàn thế giới
a) Biến chứng thai sản và sinh khó	Trả toàn bộ, tối đa đến số tiền bảo hiểm			
b) Sinh thường	Trả toàn bộ, tối đa đến số tiền bảo hiểm			
c) Khám thai tổng quát trước khi sinh và kiểm tra sau khi sinh (tối đa 5 lần)	\$ 150	\$ 300	\$ 400	\$ 600
d) Chi phí dưỡng nhi	\$ 20	\$ 30	\$ 40	\$ 50

4. Tử vong & Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật

Phạm vi địa lý được bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm
Việt Nam hoặc toàn thế giới	Lựa chọn Số tiền bảo hiểm từ \$ 5,000 đến \$ 50,000/người/năm

5. Tai nạn cá nhân

Phạm vi địa lý được bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm
Việt Nam hoặc toàn thế giới	Lựa chọn Số tiền bảo hiểm đến \$ 500,000/người hoặc theo lương tháng

6. Bồi thường mất giảm thu nhập trong thời gian nghỉ làm việc để điều trị thương tật nội trú do tai nạn (Chỉ áp dụng cho Hợp đồng bảo hiểm nhóm)

Số tiền bảo hiểm	03 tháng lương
Phạm vi địa lý được bảo hiểm	Việt Nam
Chi trả trợ cấp ngày trong trường hợp Người được bảo hiểm bị mất giảm lương do nghỉ điều trị thương tật tại bệnh viện theo chỉ định của Bác sỹ	Chi trả trợ cấp theo ngày: Số tiền trợ cấp ngày = Lương tháng (không bao gồm lương ngoài giờ, phụ cấp ...)/30

7. Trợ cấp ngày trong thời gian nghỉ làm việc để điều trị nội trú do ốm đau, bệnh tật (Chỉ áp dụng cho Hợp đồng bảo hiểm nhóm. Loại trừ thai sản)

Số tiền bảo hiểm	Tham gia theo một số tiền cụ thể
Phạm vi địa lý được bảo hiểm	Việt Nam
Chi trả trợ cấp ngày trong thời gian Người được bảo hiểm điều trị nội trú. Quyền lợi bảo hiểm này chỉ được chi trả kể từ ngày điều trị nội trú thứ 8 điều trị liên tục và tối đa 60 ngày/năm	Số tiền trợ cấp ngày = Số tiền bảo hiểm/60 ngày

8. Bảo hiểm cho bệnh có sẵn

Áp dụng cho Hợp đồng bảo hiểm nhóm từ 10 nhân viên trở lên.